**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:**  **TỔ: TOÁN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TOÁN, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 13 lớp **; Số học sinh:** 560 học sinh**. Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):** 0.

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 7**; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 3 GV; Đại học: 4 GV; Trên đại học: 0 GV

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt: GV; Khá: 0 GV; Đạt: 0 GV; Chưa đạt: 0 GV

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bộ thiết bị dạy hình học trực quan | 5 | Tạo thành các hình tam giác đều, lục giác đều, hình thang cân, hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi, hình bình hành. |  |
| 2 | Bộ thiết bị dạy hình học phẳng | 5 | Thực hành nhận dạng các hình phẳng. |  |
| 3 | Bộ thiết bị dạy xác suất và thống kê | 4 | Thống kê nêu các trường hợp có thể xảy ra. |  |
| 4 | Bộ thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều cao ngoài trời | 4 | Thực hành trồng cây thẳng hàng. |  |
| 5 | Bộ thiết bị đo góc | 4 | Thực hành đo góc trên mặt đất |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng học | 5 | Sử dụng để giảng dạy |  |
| 2 | Phòng máy | 2 | Thực hành sử dụng phần mềm GeoGebra Classic 5 để vẽ các hình tam giác đều, hình vuông, lục giác đều |  |
| 3 | Sân trường | 1 | Thực hành đo đạc, trồng cây thẳng hàng. |  |
| 4 | Phòng CNTT | 2 | Sử dụng để dạy các tiết có ứng dụng CNTT, bảng tương tác |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

**Phân phối chương trình môn Toán khối lớp 6**

**Cả năm: 35 tuần (140 tiết);**

**Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (72 tiết); Học kì 2: 17 tuần (68 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KÌ I** | | | |
| **CHƯƠNG 1: SỐ TỰ NHIÊN ( 25 TIẾT)** | | | |
| 1 | Bài 1. Tập hợp. Phần tử của tập hợp | 2 | – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp. |
| 2 | Bài 2. Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên | 1 | – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.  – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.  – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.  – Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên; so sánh được hai số tự nhiên cho trước. |
| 3 | Bài 3. Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên | 1 | – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính |
| 4 | Bài 4. Luỹ thừa với số mũ tự nhiên | 1 | – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  – Vận dụng được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.  – Vận dụng được phép tính luỹ thừa vào thực tiễn và các môn học khác. |
| 5 | Bài 5. Thứ tự thực hiện các phép tính | 2 | – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính |
| 6 | Bài 6. Chia hết và chia có dư. Tính chất chia hết của một tổng | 2 | - Nhận biết được phép chia hết và phép chia có dư  - Vận dụng được các tính chất chia hết của một tổng, một hiệu.  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn với tính chất chia hết. |
| 7 | Bài 7. Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 | 1 | – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5 hay không.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn |
| 8 | Bài 8. Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 | 1 | – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 9, 3 hay không.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn |
| 9 | Bài 9. Ước và bội | 2 | – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. |
| 10 | Bài 10. Số nguyên tố. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố | 2 | – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.  – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn |
| 11 | Bài 11. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | - Nhận ra một số là số nguyên tố hay hợp số trong các số tự nhiên nhỏ hơn 100, đưa ra được các ví dụ về số nguyên tố, hợp số.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn |
| 12 | Bài 12. Ước chung, ước chung lớn nhất | 2 | – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; nhận biết được phân số tối giản bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn |
| 13 | Bài 13. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất | 2 | – Xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng bội chung nhỏ nhất.  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn |
| 14 |  | 2 | **ÔN TẬP GIỮA HK I** |
| 15 |  | 1 | **KIỂM TRA GIỮA HK I** |
| 16 | Bài 14. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Chia được hình chữ nhật thành các ô vuông đều nhau ( kích thước được cho bởi bài toán ƯC, ƯCLN) * Tìm hiểu về dân số và diện tích của các quốc gia, biết cách tính mật độ dân số và nhận biết xem quốc gia nào có mật độ dân số lớn nhât, nhỏ nhất. |
| 17 |  | 1 | **ÔN TẬP CHƯƠNG 1** |
| **CHƯƠNG 3. HÌNH HỌC TRỰC QUAN**  **CÁC HÌNH PHẲNG TRONG THỰC TIỄN (14 TIẾT)** | | | |
| 18 | Bài 1. Hình vuông - Tam giác đều - Lục giác đều | 2 | – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).  – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều. |
| 19 | Bài 2. Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân | 4 | – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.  – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...). |
| 20 | Bài 3. Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn | 2 | –Tính được chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn liên quan đến hình tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang cân. |
| 21 |  | 2 | **ÔN TẬP GIỮA HKI** |
| 22 |  | 1 | **KIỂM TRA GIỮA HKI** |
| 23 | Bài 4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tính chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn. | 1 | * Làm quen với việc ước lượng được kích thước của một số hình thường gặp.   Biết cách đo kích thước và áp dụng công thức tính được chu vi, diện tích của một số hình vào thực tế. |
| 24 |  | 1 | **ÔN TẬP CHƯƠNG 3** |
| 25 |  | 1 | **ÔN TẬP HKI** |
| **CHƯƠNG 4: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ (15 TIẾT)** | | | |
| 26 | Bài 1. Thu thập và phân loại dữ liệu | 1 | – Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.  – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. |
| 27 | Bài 2. Biểu diễn dữ liệu trên bảng | 3 | – Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |
| 28 | Bài 3. Biểu đồ tranh | 2 | – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). |
| 29 | Bài 4. Biểu đồ cột - Biểu đồ cột kép | 4 |
| 30 |  | 1 | **ÔN TẬP CHƯƠNG 4** |
| 31 |  | 2 | **ÔN TẬP HKI** |
| 32 |  | 1 | **KIỂM TRA HKI** |
| 33 | Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Thực hiện được công việc thu thập dữ liệu từ các nguồn có sẵn như tranh ảnh, bảng biểu,…Biết cách phân loại dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản * Nhận biết được các tiêu chí đơn giản để nhận ra dữ liệu không hợp lí. |
| **CHƯƠNG 2: SỐ NGUYÊN (18 TIẾT)** | | | |
| 34 | Bài 1. Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên | 3 | – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.  – Biểu diễn được số nguyên trên trục số.  – Nhận biết được số đối của một số nguyên. |
| 35 | Bài 2. Thứ tự trong tập hợp số nguyên | 2 | – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. So sánh được hai số nguyên cho trước.  – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. |
| 36 | Bài 3. Phép cộng và phép trừ hai số nguyên | 4 | – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ trong tập hợp các số nguyên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên |
| 37 | Bài 4. Phép nhân và phép chia hết hai số nguyên | 4 | – Thực hiện được các phép tính: nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên |
| 38 | Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm. Vui học cùng số nguyên. | 1 | * Làm quen với các mô hình biểu diễn số nguyên âm và số nguyên dương.   Thực hành các phép tính cộng, trừ số nguyên trên mô hình. |
| 39 |  | 2 | **ÔN TẬP HKI** |
| 40 |  | 1 | **KIỂM TRA HK I** |
| 41 |  | 1 | **SỬA BÀI KIỂM TRA HKI** |
| **HỌC KÌ II** | | | |
| **CHƯƠNG 5. PHÂN SỐ (17 TIẾT)** | | | |
| 42 | Bài 1. Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên | 2 | – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. |
| 43 | Bài 2. Tính chất cơ bản của phân số | 1 | – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. |
| 44 | Bài 3. So sánh phân số | 1 | – So sánh được hai phân số cho trước. |
| 45 | Bài 4. Phép cộng và phép trừ phân số | 2 | – Nhận biết được số đối của một phân số.  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số |
| 46 | Bài 5. Phép nhân và phép chia phân số | 2 | – Thực hiện được các phép tính nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số |
| 47 | Bài 6. Giá trị phân số của một số | 2 | – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số |
| 48 | Bài 7. Hỗn số | 2 | * Đổi được hỗn số ra phân số và ngược lại. * Thực hiện được các bước so sánh và tính toán với hỗn số. |
| 49 | Bài 8. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Phân số ở quanh ta. | 1 | * Biết phân số có thể dùng trong một số cảnh, vật và hoạt động gần gũi với HS * Biết sử dụng kiến thức và kĩ năng về phân số giải thích về phân số trong một số cảnh, vật, hoạt động gần gũi với HS |
| 50 |  | 1 | **ÔN TẬP CHƯƠNG 5** |
| 51 |  | 2 | **ÔN TẬP GIỮA HKII** |
| 52 |  | 1 | **KIỂM TRA GIỮA KÌ II** |
| **CHƯƠNG 7: HÌNH HỌC TRỰC QUAN**  **TÍNH ĐỐI XỨNG CỦA HÌNH PHẲNG TRONG THẾ GIỚI TỰ NHIÊN (9 TIẾT)** | | | |
| 53 | Bài 1. Hình có trục đối xứng | 2 | – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.  – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). |
| 54 | Bài 2. Hình có tâm đối xứng | 2 | – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng.  – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). |
| 55 |  | 1 | **ÔN TẬP GIỮA KÌ II** |
| 56 |  | 1 | **KIỂM TRA GIỮA KÌ II** |
| 57 | Bài 3. Vai trò của tính đối xứng trong thế giới tự nhiên | 1 | – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...  – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). |
| 58 | Bài 4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Ứng dụng tính đối xứng trong việc cắt giấy trang trí * Vẽ các hình đối xứng đã học, do diện tích các hình đã vẽ bằng phần mềm GeoGebra |
| 59 |  | 1 | **ÔN TẬP CHƯƠNG 7** |
| **CHƯƠNG 8: HÌNH HỌC PHẲNG**  **CÁC HÌNH HỌC CƠ BẢN (22 TIẾT)** | | | |
| 60 | Bài 1. Điểm. Đường thẳng | 3 | – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. |
| 61 | Bài 2. Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng | 2 | – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. |
| 62 | Bài 3. Hai đường thẳng cắt nhau, song song. Tia | 3 | – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  – Nhận biết được khái niệm tia. |
| 63 | Bài 4. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | 2 | Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. |
| 64 | Bài 5. Trung điểm của đoạn thẳng | 2 | * Nêu được thế nào là trung điểm của đoạn thẳng. * Nêu được các cách vẽ trung điểm của một đoạn thẳng. |
| 65 | Bài 6. Góc | 2 | – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm). |
| 66 | Bài 7. Số đo góc. Các góc đặc biệt | 3 | – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  – Nhận biết được khái niệm số đo góc. |
| 67 | Bài 8. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Mô tả được một số dụng cụ đo góc thường dùng, nêu được các thao tác khi sử dụng các dụng cụ đo góc đó. * Thực hiện được các bước vận dụng dụng cụ đo góc đơn giản trong đời sống. * Sử dụng được phần mềm GeoGebra Classic 5 để vẽ được một số hình hình học cơ bản |
| 69 |  | 1 | **ÔN TẬP CHƯƠNG 8** |
| 70 |  | 1 | **ÔN TẬP HKII** |
| 71 |  | 1 | **KIỂM TRA HKII** |
| 72 |  | 1 | **SỬA BÀI KIỂM TRA HKII** |
| **CHƯƠNG 9: MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT (8 TIẾT)** | | | |
| 73 | Bài 1. Phép thử nghiêm - Sự kiện | 3 | –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu,...).  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |
| 74 | Bài 2. Xác suất thực nghiệm | 3 | Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |
| 75 | Bài 3. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Vận dụng kiến thức về xác suất thực nghiệm để đánh giá các khả năng có thể xảy ra trong một số mô hình xác suất gắn với trò chơi. * Rèn luyện năng lực mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, tư duy và lập luận toán học và giao tiếp toán học. |
| 76 |  | 1 | **ÔN TẬP CHƯƠNG 9** |
| **CHƯƠNG 6: SỐ THẬP PHÂN (12 TIẾT)** | | | |
| 77 | Bài 1. Số thập phân | 1 | – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân.  – So sánh được hai số thập phân cho trước. |
| 78 | Bài 2. Các phép tính với số thập phân | 1 | – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). |
| 79 | Bài 3. Làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả | 1 | – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân. |
| 80 | Bài 4. Tỉ số và tỉ số phần trăm | 2 | – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. |
| 81 | Bài 5. Bàì toán về tỉ số phần trăm | 1 | – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |
| 82 | Bài 6. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Tính tỉ số phần trăm và lãi suất ngân hàng * Tỉ số phần trăm trong đời sống |
| 83 |  | 1 | **ÔN TẬP CHƯƠNG 6** |
| 84 |  | 2 | **ÔN TẬP HKII** |
| 85 |  | 1 | **KIỂM TRA HỌC KÌ II** |
| 86 |  | 1 | **SỬA BÀI KIỂM TRA HK II** |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 90p | Tuần thứ 9, tháng 11/2022 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 1, chương 3. | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ 1 | 90p | Tuần thứ 18, tháng 1/2022 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 1, chương 2, chương 3, chương 4. | Viết trên giấy |
| Giữa Học kỳ 2 | 90p | Tuần thứ 26, tháng 3/2023 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 5, bài 1 và bài 2 chương 7, chương 9. | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 90p | Tuần thứ 35, tháng 5/2023 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương 5, chương 6, chương 7, chương 8, chương 9. | Viết trên giấy |

**III. Các nội dung khác (nếu có)**

**1. Sinh hoạt tổ chuyên môn**

- Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường: 1 lần / 1 học kì

- Sinh hoạt chuyên môn của tổ theo định kì: 2 lần / 1 tháng

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  (Ký và ghi rõ họ tên) | , ngày …, tháng, … năm 2022  **HIỆU TRƯỞNG**  (Ký và ghi rõ họ tên) |